



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Ngày 24 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Số liệu

DVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	2017	2018	TH 2018/2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.649.067.123	156.829.819.565	108%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	59.357.139	323.867.198	546%
-	Hàng bán bị trả lại	56.361.382	323.867.198	
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.589.709.984	156.505.952.367	108%
4	Giá vốn hàng bán	126.520.963.711	135.772.649.041	107%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.068.746.273	20.733.303.326	115%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.602.298.427	3.744.623.556	104%
7	Chi phí tài chính	331.110.041	764.926.900	231%
8	Chi phí bán hàng	5.029.290.178	5,412,912,219	108%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.591.297.108	11,294,280,238	107%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.719.347.373	7.005.807.525	122%
11	Thu nhập khác	494,552,703	17.871.847	4%
12	Chi phí khác	196,908,599	353.051.110	179%
13	Lợi nhuận khác	297.644.104	-335.179.263	
14	Phần lãi trong công ty liên kết	1.965.109.801	1.823.779.655	93%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.982.101.278	8.494.407.917	106%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	299.368.571	999.415.164	334%
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.682.732.707	7.494.992.753	98%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.339	1.306	98%

Tình hình chung của công ty năm vừa qua : Doanh thu thuần năm 2018 tăng 8,2% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ 2,4% so với năm trước . EPS đạt 1.306 đồng

NGÀNH	2016		2017		2018	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	5.924	497	4.316	255	3.364	332
Bao bì Nhựa	49.025	944	65.406	4.198	91.161	7.811
Khăn giấy, thương mại	14.612	3.480	17.401	3.059	6.506	835
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	59.544	15.315	57.467	10.556	55.206	11.755
Cộng	129.105	20.237	144.590	18.069	156.506	20.733

NGÀNH	TỶ TRỌNG 2016		TỶ TRỌNG 2017		TỶ TRỌNG 2018	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	4,59%	2,46%	2,98%	1,14%	2,32%	1,60%
Bao bì Nhựa	37,97%	4,67%	45,24%	23,23%	58,25%	37,67%
Khăn giấy, thương mại	11,32%	17,20%	12,03%	16,93%	4,16%	4,03%
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	46,12%	75,68%	39,74%	58,42%	35,27%	56,70%
Cộng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

- Năm 2018, doanh thu sản xuất in của công ty giảm do công ty chủ động thu hẹp ngành này.
- Doanh thu ngành nhựa tăng mạnh do bán hàng nội địa tăng.
- Ngành sản xuất giấy, thương mại doanh thu giảm.
- Ngành truyền thông, giải trí và các dịch vụ khác có tăng nhẹ.

b. Chiến lược kinh doanh

Trong năm 2018, Công ty đã có một số thay đổi trong chiến lược kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Tiếp tục chiến lược phát triển mạnh và sâu vào thị trường nội địa, công ty đẩy mạnh cung ứng mặt hàng truyền thống là bao bì đựng hàng ở các siêu thị và các tập đoàn bán lẻ mới, ngoài ra công ty vẫn phát triển sản xuất đều đặn các sản phẩm chuyên biệt / đa dụng như túi rác qui định màu cho các bệnh viện, tấm trải đa năng bằng nhựa cho sinh hoạt thường ngày, túi đựng thực phẩm an toàn, túi rác thơm có tác dụng khử mùi tại gia đình... Năm 2018 doanh thu ngành nhựa tăng cao do trong năm tuyển thêm nhân sự để mở rộng thêm thị trường, cụ thể KH mới tăng rất nhiều, tập trung vào các KH lớn.
- Đối với thị trường nước ngoài, Công ty không ký hợp đồng gia công vì lợi nhuận thấp nhưng rủi ro cao, thay vào đó công ty đang chào các mặt hàng riêng để từng bước tiếp cận với các nhà phân phối mới.

- Đối với mảng truyền thông, công ty với chiến lược cung ứng các mặt hàng công nghệ cao đi trước thị trường và kết hợp với nội dung sáng tạo, tương thích đã tăng được số lượng khách hàng mới với doanh thu tốt.

c. Sản phẩm mới, khách hàng mới, thị trường mới.

- Sản phẩm mới
 - + Ngành nhựa : tự sản xuất máy cắt cơ hai dây dập quai tự động phục vụ nhu cầu sản xuất nội bộ và cung ứng ra thị trường bên ngoài. Nâng sản lượng túi rác lên 40% sản lượng bao bì nhựa sản xuất để tiếp tục mục tiêu trở thành nhà sản xuất hàng đầu của thị trường Miền Nam.
 - + Ngành truyền thông : tập trung nghiên cứu các sản phẩm mới như Multi-layers Hologram, máy bán hàng tự động , phát triển kinh doanh lập trình thiết kế ra nước ngoài.
- Khách hàng mới:
 - + Năm 2018 phát triển thêm các khách hàng: Cty Bách Hóa Xanh, Cty Phúc Thịnh, Cty Khánh Ngọc, Cty Cung ứng Gia Huy, Bệnh viện Bình Long, Chi nhánh Cty TNHH MTV TNI- CN Tân Uyên, Cty TNHH XNK TM Vietbuy247, Cty CP thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương, Cty TNHH Mai Phát Tiến.
- Thị trường mới
 - + Mở rộng ra các tỉnh lân cận phía Bắc – ngành bao bì nhựa.
 - + Về kinh doanh lập trình tương tác đã thực hiện các dự án tương tác tại các nước Châu Á như Singapore...

d. Nguồn cung cấp

Ngành giấy tiếp tục nhập thêm các loại giấy mới để đa dạng sản phẩm. Nhập thêm hạt phụ gia ngành nhựa và hạt tái sinh nhằm giảm giá thành sản phẩm, giảm tỷ lệ phế liệu.

2. Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đvt: đồng

Năm 2018	Giá trị ALTA đầu tư đến 31/12/2018	Tổng tài sản
Công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	20.000.000.000	48.771.049.754
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20.000.000.000	70.394.057.997
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	15.879.991.532	50.707.519.180



Ngoài ra, Công ty còn có 122,3 triệu đồng đầu tư vào cổ phiếu của CTCP Dược phẩm Đồng Nai và CTCP Giấy Lệ Hoa.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	So sánh
Tổng Tài sản		228.246.041.394	251.119.236.363	110%
Doanh thu thuần	VNĐ	144.589.709.984	156.505.952.367	108,2%
Lợi nhuận gộp	"	18.068.746.273	20.733.303.326	114,7%
Lợi nhuận từ Hoạt động SXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	"	7.684.457.174	8.829.587.180	114,9%
Lợi nhuận khác	"	297.644.104	(335.179.263)	-112,6%
Lợi nhuận trước thuế	"	7.982.101.278	8.494.407.917	106,4%
Lợi nhuận sau thuế	"	7.682.732.707	7.494.992.753	97,6%
EPS	"	1.339	1.306	97,5%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	6,39	3,51	
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,84	2,42	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,48	15,76	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,27	18,71	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,08	3,88	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,63	0,62	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.31%	4,79	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3.68%	3,54	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3.36%	2,98	
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3.96%	4,48	

Các khoản nợ của Công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn. Tính trên Vốn chủ sở hữu, nợ chiếm 18,71%. Đây là mức tăng thời điểm do công ty Nhựa nhập nhựa chính phẩm cuối năm. Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ

phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm từ 6,39 lần năm còn 3,51 lần năm do công ty tăng vay ngân hàng để dự trữ nguyên liệu nhựa. Khả năng thanh toán nhanh của công ty do lý do trên nên giảm từ 4,84 còn 2,42 trong năm nay.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty hơn nữa.

4. Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2018, Công ty có 263 lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2017	Tỷ lệ 2017	Số lượng 2018	Tỷ lệ 2018
I	Theo trình độ	229	100%	263	100%
1	Đại học	40	17,47%	40	15,21%
2	Cao đẳng	48	20,96%	66	25,10%
3	Trung cấp	21	9,17%	34	12,93%
4	Phổ thông trung học trở xuống	120	52,40%	123	46,77%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	229	100%	263	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	83	36,24%	109	41,44%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	139	60,70%	123	46,77%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	7	3,06%	31	11,79%

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2018 đạt 8.313.979đ tăng 4,7 % so với năm trước.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định của Bộ Luật lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi.... và các

văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, công nhân và nhân viên phải mặc trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của các cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, Công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong Công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng.

Mức thu nhập bình quân qua các năm:

TT	Năm	Mức lương bình quân
1	2012	4.012.570
2	2013	4.185.806
3	2014	5.449.524
4	2015	6.323.392
5	2016	7.082.200
6	2017	7.940.000
7	2018	8.314.000

B. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Với kế hoạch 7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, năm qua Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội cổ đông đặt ra với các diễn biến sau:

- Giá vốn hàng bán tăng 7% trong khi doanh thu tăng 8% dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 15%.
- Chi phí bán hàng tăng 8% tương ứng với mức tăng doanh thu, công ty đẩy mạnh công tác kinh doanh tiếp thị, khuyến mãi, chi phí lương nhân viên tăng.
- Chi phí quản lý tăng 7% tương ứng với mức tăng doanh thu.
- Lợi nhuận thuần tăng 22%, lãi liên kết giảm 7% dẫn đến lợi nhuận trước thuế chỉ tăng 6%.

2. Phân tích tình hình tài chính năm 2017

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	228.319.841.394	251.119.236.363	110%
Phân Tài sản ngắn hạn	120.111.424.249	138.728.019.710	115%
Tài sản dài hạn	108.208.417.145	112.391.216.653	104%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	52,61%	55,24%	105%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	47,39%	44,76%	94%
Tổng nợ	19.361.099.527	39.573.907.599	205%
Nợ ngắn hạn	18.811.099.527	39.573.907.599	211%
Nợ dài hạn	550.000.000	0	
Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	8,48%	15,76%	186%
Tổng nguồn vốn	228.319.841.394	251.119.236.363	110%
Vốn chủ sở hữu	208.958.741.867	211.545.328.764	101%
Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	91,52%	84%	92%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,31%	4,79%	90%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,68%	3,54%	96%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,36%	2,98%	88%
Hệ số Lợi nhuận từ hữ kinh doanh/Doanh thu thuần	3,96%	4,48%	113%

a. Phân tích tài sản

Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2018 tăng nhẹ từ 52,61% lên 55,24% , tỷ suất tài sản dài hạn năm 2018 giảm từ 47,39% xuống 44,76% . Những thay đổi này không đáng kể.

Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 2,74 lần. Đây là chỉ tiêu nói lên sự ổn định về tài chính của Công ty.

b. Phân tích nguồn vốn

Nợ ngắn hạn tăng 110,38% và đòn cân nợ tăng từ 0,09 lên 0,18.

Vốn chủ sở hữu có tăng nhẹ 1%.

c. Phân tích tình hình công nợ

Khoản phải thu ngắn hạn từ bán hàng tăng.

Khoản phải trả tăng .

Vòng quay các khoản phải thu là 5,14 vòng, số ngày trung bình để thu được khoản phải thu là 70 ngày là do công ty có chính sách trả chậm với 1 số tập đoàn bán lẻ lớn. Điều này cũng nói lên tình hình cạnh tranh mạnh mẽ trên thương trường.

d. Phân tích khả năng thanh toán

Tỷ lệ thanh toán hiện hành vẫn giữ ổn định ở mức 6,39 lần - đây là một tỷ lệ tốt về tài chính.

Tỷ lệ thanh toán nhanh giảm từ 4,84 xuống 2,42 lần - mức sụt giảm này mang tính chất thời điểm do hàng nhập tồn kho dự trữ cuối năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

a. Chính sách quản trị - điều hành :

Điều hành có kế hoạch cụ thể.

Nâng tầm ảnh hưởng của người lao động để có chính sách cụ thể.

Áp dụng công nghệ trong công tác điều hành.

Sẵn sàng truyền đạt để chuyển giao.

b. Chiến lược phát triển sản phẩm.

Mạnh dạn sản xuất sản phẩm mới.

Chấp nhận rủi ro để loại bỏ sản phẩm thoái trào.

Sử dụng công dụng và chất lượng làm thước đo giá trị sản phẩm.

c. Chiến lược tiếp thị khách hàng

Tiếp thị trên nhiều phương tiện, nhiều thời điểm và nhiều công thức.

Hiểu suy nghĩ và hiểu khó khăn của khách hàng để linh hoạt giải quyết.

Xem trọng công tác hậu mãi để giữ khách hàng.

Trên đây là một số phân tích và đánh giá của BGĐĐH công ty sau khi nhìn lại hoạt động điều hành năm 2018 của mình một cách nghiêm túc, khách quan và trung thực.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH



Hương Văn Diệu

Chủ tịch HĐQT

